ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2023/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục số hiệu đường bộ; Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP và Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày

09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT; Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục số hiệu đường bộ thuộc cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại các số thứ tự 4, 9, 13, 14, 17, 19, 24, 25 và bổ sung số thứ tự 16a, như sau:

TT	Tên đường	Số hiệu đường bộ	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Ghi chú
	TOÀN TỈNH		**33 tuyến**		**512,673**	
4	Đường tỉnh 864	ĐT.864	Đường vào mố 1 cầu Bình Đức (đường Lê Thị Hồng Gấm - thành phố Mỹ Tho)	Cầu Mỹ Thuận (xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè)	57,654	
9	Đường tỉnh 868	ĐT.868	Cầu Hai Hạt (giáp ranh tỉnh Long An - xã Phú Cường, huyện Cai Lậy)	Bến đò Thủy Tây (giáp sông Tiền - xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy)	29,436	
13	Đường tỉnh 871	ĐT.871	Ngã tư Nguyễn Văn Côn (phường 3, thị xã Gò Công)	Chợ đầu mối thủy hải sản (thị trấn Vàm Láng)	13,236	
14	Đường tỉnh 871B	ĐT.871B	Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công)	Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	7,840	
16a	Đường tỉnh 872B	ĐT.872B	Quốc lộ 50 (xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây)	Đường tỉnh 877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông)	10,717	
17	Đường tỉnh 873	ĐT.873	Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công)	Đường vào Bến phà Mỹ Lợi - Quốc lộ 50 cũ (xã Bình Đông, thị xã Gò Công)	13,624	

19	Đường tỉnh 874	ĐT.874	Quốc lộ 1 (Ngã ba Khu di tích Ấp Bắc - xã Điềm Hy, huyện Châu Thành)	ĐT.867 (thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước)	8,785	
24	Đường tỉnh 877	ĐT.877	Đường tỉnh 862 (phường 5 và xã Long Hòa, thị xã Gò Công)	Kênh Chợ Gạo - Bến đò Quơn Long (xã Bình Phục Nhứt, huyện Chợ Gạo)	29,734	
25	Đường tỉnh 877B	ĐT.877B	Quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo)	Giáp biển Đông (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông)	39,258	

2. Bãi bỏ tuyến đường tại số thứ tự 26 (Đường tỉnh 877E).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại các số thứ tự 2, 4, 9, 13, 14, 17, 18, 19, 24, 25 và bổ sung số thứ tự 16a như sau:

TT	Tên đường (số hiệu đường bộ)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp đường quy hoạch	Toàn phạm vi lộ giới (m)	Tim đường ra mỗi bên (m)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TOÀN TỈNH	**33 tuyến**		**512,673**				
2	**Đường tỉnh 862**	Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, cạnh Bến xe thị xã Gò Công)	Đèn Đỏ (xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông)	**21,140**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn nội ô thị xã Gò Công: từ Quốc lộ 50 (Bến xe thị xã) đến ngã ba giao với đường Thủ Khoa Huân			2,960		24,0	12,0	
	Đoạn nội ô thị xã Gò Công: từ ngã ba giao với đường Thủ Khoa Huân đến đường Việt Hùng (ĐH.19)			1,390		32,5	16,25	
	Đoạn qua khu dân cư xã Bình Nghị: từ đường Việt Hùng (ĐH.19), ranh thị xã Gò Công đến kênh Nguyễn Văn Thanh			0,990		32,5	16,25	
	Đoạn thị trấn Tân Hòa: từ Cổng chào đến Bia Chiến tích Xóm Gò			2,300		30,0	15,0	
	Đoạn qua khu vực Tân Thành: từ ngã ba Trường học ấp Giồng Đình đến ngã ba Trường học ấp chợ Tân Thành			1,150		30,0	15,0	

	Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã ba biển Tân Thành			1,200		32,5	16,25	
	Đoạn từ ngã ba biển Tân Thành đến Trạm kiểm soát Biên phòng			5,200				Hành lang theo Luật Đê điều
4	**Đường tỉnh 864**	Đường vào mố 1 cầu Bình Đức (đường Lê Thị Hồng Gấm - thành phố Mỹ Tho)	Cầu Mỹ Thuận (xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè)	**57,654**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ cầu Bình Đức đến cầu Kinh Xáng: Km 0+000 - Km 5+840			5,840		30,0	15,0	Khu CN Mỹ Tho
	Đoạn qua khu vực chợ Kim Sơn: từ cầu Rạch Gầm đến Đình thần Cả Giám			0,250		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Phú Phong: từ cầu Phú Phong đến ranh xã Tam Bình (huyện Cai Lậy)			0,350		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu vực chợ Tam Bình: từ cầu Tam Bình đến Trường THCS Tam Bình			0,200		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua thị trấn Cái Bè: từ đường Tạ Thu Thâu đến hết ranh thị trấn Cái Bè về phía Tây (tiếp giáp Cổng ấp văn hóa Hòa Quí, xã Hòa Khánh)			1,410		16,0	8,0	Chỉ giới quy hoạch thị trấn Cái Bè
9	**Đường tỉnh 868**	Cầu Hai Hạt (giáp ranh tỉnh Long An - xã Phú Cường, huyện Cai Lậy)	Bến đò Thủy Tây (giáp sông Tiền - xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy)	**29,436**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn từ cầu Quản Oai đến cầu Một Thước			1,375		29,0	14,5	Quy hoạch KDC TT Mỹ Phước Tây
	Đoạn từ cầu Nàng Chưng đến ngã ba giao với đoạn ĐT.868 cũ			0,375		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn từ Ngã ba giao với đoạn ĐT.868 cũ đến cầu vượt của dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận			4,220		43,0	21,5	
	Đoạn từ cầu vượt của dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đến Quốc lộ 1			2,000		50,0	25,0	QH đô thị Cai Lậy
	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến cầu Bờ Ấp 5			0,750		20,0	10,0	QH đô thị Cai Lậy
	Đoạn từ cầu Bờ Ấp 5 đến Tuyến tránh Quốc lộ 1			0,800		22,5	11,25	QH đô thị Cai Lậy
	Đoạn từ Tuyến tránh Quốc lộ 1 đến cầu Long Khánh			1,365		29,0	14,5	Khu đông dân cư
	Đoạn từ Trường PTTH Lưu Tấn Phát, xã Tam			1,500		29,0	14,5	Đường vào cầu Ngũ

	Bình đến cầu Ngũ Hiệp							Hiệp
	Đoạn từ cầu Ngũ Hiệp đến Bến đò Thủy Tây			2,170		30,0	15,0	
13	**Đường tỉnh 871**	Ngã tư Nguyễn Văn Côn (phường 3, thị xã Gò Công)	Chợ đầu mối thủy hải sản (thị trấn Vàm Láng)	**13,236**	**III**			
	Toàn đoạn tuyến qua khu vực thị xã Gò Công: từ ngã tư Bình Ân đến đường Tân Đông cầu Bà Trà (ĐH.97) - giáp ranh với huyện Gò Công Đông			2,550		22,5	11,25	Chỉ giới QH thị xã Gò Công
	Đoạn từ đường Tân Đông cầu Bà Trà (ĐH.97) đến Ngã ba Tân Tây (Km 2+550 - Km 5+400)			2,850		40,0	20,0	Quy hoạch công nghiệp khu vực Gò Công
	Đoạn từ ngã ba Tân Tây đến cầu Xóm Gồng (Km 5+400 - Km 7+630)			2,230		33,0	16,5	Quy hoạch đô thị Tân Tây
	Đoạn từ cầu Xóm Gồng đến cống Đôi Ma 2 (Km 7+630 - Km 10+736)			3,106		40,0	20,0	Quy hoạch công nghiệp khu vực Gò Công
	Đoạn từ cống Đôi Ma 2 đến ngã tư đường vào Khu công nghiệp Soài Rạp (Km 10+736 - Km 12+536)			1,800		30,0	15,0	Theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ QH chung XDCN khu vực Gò Công
	Đoạn từ ngã tư đường vào Khu công nghiệp Soài Rạp đến Chợ đầu mối thủy hải sản (thị trấn Vàm Láng, cuối tuyến);			0,700		16,0	8,0	
14	**Đường tỉnh 871B**	Quốc lộ 50 (xã Tân Trung, thị xã Gò Công)	Tiếp giáp Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	**7,840**	**I**			
	Toàn tuyến: Tính theo tim đường của dự án hoàn thiện					60,0	30,0	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
16a	**Đường tỉnh 872B**	Quốc lộ 50 (xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây)	Đường tỉnh 877B (xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông)	**10,717**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua khu dân cư: từ tim giao lộ Đường huyện 15 hướng ra mỗi phía 200m			0,400		20,0	10,0	
	Đoạn qua khu dân cư Phú Quới (xã Yên Luông): từ			0,510		22,0	11,0	

	tim giao lộ đường Phú Quới hướng ra phía Nam (đến kênh Giữa Phú Quới), dài 230 mét và hướng ra phía Bắc (đến kênh Chùa), dài 280 mét							
	Đoạn qua khu dân cư Phú Trung (xã Long Bình - xã Bình Tân): từ tim giao lộ ĐH.11 hướng ra phía Nam (đến kênh Giữa Xóm Trước), dài 210 mét và hướng ra phía Bắc (đến kênh Giữa Xóm Sau), dài 170 mét			0,380		22,0	11,0	
	Đoạn qua khu dân cư Quới An (xã Long Bình - xã Bình Tân): từ tim giao lộ ĐT.877 hướng ra phía Nam (đến cống Kênh Làng), dài 410 mét và hướng ra phía Bắc (đến kênh Khẩn), dài 360 mét			0,770		22,0	11,0	
	Đoạn từ Bến phà Tân Long (bờ Nam) đến Đường tỉnh 877B (cuối tuyến)			1,000	V	30,0	15,0	
17	**Đường tỉnh 873**	Quốc lộ 50 (Ngã ba xã Thành Công, huyện Gò Công Tây và xã Long Chánh, thị xã Gò Công)	Đường vào Bến phà Mỹ Lợi – Quốc lộ 50 cũ (xã Bình Đông, thị xã Gò Công)	**13,624**	**IV**			
	Đoạn từ giáp Quốc lộ 50 (ngã ba Thành Công) đến cửa hàng bán lẻ xăng dầu DNTN Gò Gừa (Km 0+000 - Km 2+250)			2,250		29,5	14,75	Ngoài vùng dân cư
	Đoạn qua trung tâm hành chính xã Thành Công: từ cửa hàng bán lẻ xăng dầu DNTN Gò Gừa đến ngã ba giao với ĐH.13 (Km 2+250 - Km 2+810)			0,560		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn từ Ngã ba giao với ĐH.13 đến giao với đường vào Bến phà Mỹ Lợi - Quốc lộ 50 cũ, (Km 2+810 - Km 13+814)			10,814		29,5	14,75	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
18	**Đường tỉnh 873B**	Quốc lộ 50 (xã Long Chánh, thị xã Gò Công)	Đường đê sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông)	**17,558**	**III**			
	Đoạn từ Quốc lộ 50 (xã Long Chánh) đến cầu Ông Non (Km 0+000 - Km 8+267)			8,267		30,0	15,0	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
	Đoạn từ cầu Ông Non đến cầu Móng Sắt (Km 8+267 - Km 14+330)			6,063		33,0	16,5	QH đô thị Tân Tây
	Đoạn từ cầu Móng Sắt đến cuối tuyến (giao với đường đê sông Vàm Cỏ) Km 14+330 - Km 17+558			3,228		40,0	20,0	Quy hoạch CN khu vực Gò Công
19	**Đường tỉnh 874**	Quốc lộ 1 (ngã ba Khu di tích Ấp Bắc - xã Điềm Hy, huyện Châu Thành)	ĐT.867 (thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước)	**8,785**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	

	Đoạn qua khu dân cư thị trấn Mỹ Phước: từ cầu Nguyễn Văn Tiếp đến Ngã ba giao với đoạn cuối của ĐT.874 cũ			0,426		30,0	15,0	QH thị trấn Mỹ Phước
	Đoạn qua khu dân cư thị trấn Mỹ Phước: từ Ngã ba giao với đoạn cuối của ĐT.874 cũ đến ĐT.867 (đoạn Đường số 15 và Đường H cũ)			1,100		20,0	10,0	QH thị trấn Mỹ Phước
24	**Đường tỉnh 877**	Cụ thể bổ sung trên ĐT.872B như sau:	Cụ thể bổ sung trên ĐT.872B như sau:	**29,734**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua thị xã Gò Công: từ đường Trần Công Tường (ĐT.862) đến cầu Xóm Thủ			2,100		27,5	13,75	Chỉ giới QH thị xã Gò Công
	Đoạn qua trung tâm xã Bình Tân: từ cửa hàng xăng dầu số 17 đến cổng ấp văn hóa Thuận Trị			1,400		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua khu dân cư xã Bình Tân - xã Long Bình: từ tim giao lộ với ĐT.872B hướng về phía Đông đến cửa hàng xăng dầu số 17 (dài 195m) và hướng về phía Tây đến đường giao thông nông thôn Quới An (dài 318m).			0,513		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua trung tâm xã Long Bình: từ cổng Trường THPT Long Bình đến đường vào bãi rác xã Long Bình			1,500		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn từ ngã tư giao với ĐH.23B đến cầu 3 tháng 2: Km 21+447 - Km 29+004			7,527		30,0	15,0	
	Đoạn từ cầu 3 tháng 2 đến kênh Chợ Gạo (Bến đò Quơn Long, cuối tuyến): Km 29+004 - Km 29+734			0,730		22,0	11,0	QH trung tâm xã Bình Phục Nhứt
25	**Đường tỉnh 877B**	Quốc lộ 50 (Ngã ba xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo)	Giáp biển Đông (xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông)	**39,258**	**III**			
	Tuyến ngoài vùng dân cư					43,0	21,5	
	Đoạn qua khu vực UBND xã Bình Ninh: từ cầu An Thạnh Thủy đến ngã tư giao với ĐH.23B			0,490		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn từ ngã tư giao với ĐH.23B đến bờ Bắc bến phà Bình Ninh			1,470		30,0	15,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua trung tâm xã Tân Thới: từ trạm xăng dầu Anh Phương đến Trường THCS Tân Thới			1,787		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua trung tâm xã Tân Phú: từ đường Miễu Tân Ninh đến ranh phía Đông Trường Mầm non Tân Phú			2,235		22,0	11,0	Khu đông dân cư
	Đoạn qua trung tâm xã Phú Thạnh: từ kênh Ba Gốc đến cầu Tư Xuân			1,095		22,0	11,0	Khu đông dân cư

	Đoạn qua khu vực Quy hoạch chung đô thị Tân Phú Đông: từ cầu Tư Xuân đến cầu Cả Thu	2,201		32,0	16,0	Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 15/12/2015
	Đoạn qua trung tâm xã Phú Đông: từ ranh phía Tây Trường THCS Phú Đông đến ranh phía Đông Trạm Y tế xã Phú Đông	0,935		22,0	11,0	Khu đông dân cư

2. Bãi bỏ nội dung tại số thứ tự 26 (Đường tỉnh 877E).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và thay thế Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa đổi, bổ sung một số Danh mục số hiệu đường bộ, Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục ĐBVN;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Phạm Văn Trọng